

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/DS-ST

Ngày: 29 – 9 – 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.

2. Ông Thạch Văn Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: Số X, đường T, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C: Bà Triệu Hồng N - Chức vụ: Phó phụ trách Phòng giao dịch T (Theo văn bản ủy quyền số 388/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/3/2022) (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số X, đường Nam Sông H, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn:

1/Bà Phạm Thị Trúc P, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

2/Ông Lại Út N1, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần C trình bày:

Vào ngày 19/04/2019, Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh S (Phòng giao dịch T) có ký với bà Phạm Thị Trúc P hợp đồng tín dụng số 58959/2019-HĐCV/NHCT822. Theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có cho bà P vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng (Thanh toán chi phí sửa chữa nhà ở); Lãi suất 11%/năm; Thời hạn trả nợ gốc: 19/04/2024.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị Trúc P đã thế chấp phần đất có diện tích 105,4m², tại thửa số 121, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 626946, số vào sổ cấp CH02816 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh S cấp ngày 16/01/2019, tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay của bà Phạm Thị Trúc P ông Lại Út N1 đã dùng tài sản của mình đã thế chấp cụ thể như sau: Phần đất có diện tích 283,8m², tại thửa số 50, tờ bản đồ số 72, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 573907, số vào sổ cấp CS01346 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 02/7/2018, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh S.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thị Trúc P đã không thực hiện đúng như hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ trực tiếp đến gia đình để đôn đốc việc thực hiện hợp đồng nhưng đến nay số nợ đã quá hạn mà vẫn chưa thanh toán. Cụ thể dư nợ gốc và tiền lãi vay tạm tính đến hết ngày 28/9/2020 là 115.500.514 đồng. Trong đó:

- Vốn gốc: 112.500.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 2.000.342 đồng.
- Lãi quá hạn: 1.000.171 đồng.

Trong quá trình khởi kiện, ông Lại Út N1 có đến Ngân TMCP C – Chi nhánh S – Phòng giao dịch T đề nghị thanh toán số tiền gốc là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) để nhận lại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 50, tờ bản đồ số 72, diện tích 283,8m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 02/7/2018).

Nay Ngân hàng TMCP C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Phạm Thị Trúc P có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng số tiền 76.672.141đ (bảy mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi mốt đồng), trong đó vốn gốc là: 54.500.000đ; Tiền lãi trong hạn là 20.767.049đ; Tiền lãi quá hạn 1.405.092đ và các chi phí, lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến ngày trả tất nợ.

Trong trường hợp bà Phạm Thị Trúc P không có khả năng trả nợ đầy đủ và kịp thời thì tài sản đảm bảo được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị Trúc P không có lời trình bày do vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Đ không có lời trình bày do vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lại Út N1 không có lời trình bày do vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc đại diện nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị Trúc P thanh toán số tiền vốn và lãi còn nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Trong vụ án này, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP C (Ngân hàng)** khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Trúc P trả cho **Ngân hàng** tổng số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã Đ triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 19/4/2019, bà Phạm Thị Trúc P có vay tiền tại **Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam** - Chi nhánh Sóc Trăng (Phòng giao dịch Trần Đề) với số tiền vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Vay với mục đích: Tiêu dùng (Sửa chữa nhà ở).

Để đảm bảo cho khoản nợ vay ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị Trúc P đã thế chấp phần đất có diện tích 105,4m², tại thửa số 121, tờ bản đồ số 46, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 626946, sổ vào sổ cấp CH02816 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh S cấp ngày 16/01/2019, tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay của bà Phạm Thị Trúc P ông Lại Út N1 đã dùng tài sản của mình đã thế chấp cụ thể như sau: Phần đất có diện tích 283,8m², tại thửa số 50, tờ bản đồ số 72, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 573907, sổ vào sổ cấp CS01346 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 02/7/2018, tọa lạc tại ấp Mỏ Ó, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Nhưng trong quá trình Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam khởi kiện tại tòa thì ông Lại Út N1 có đến Ngân TMCP C – Chi nhánh S – Phòng giao dịch T

thanh toán số tiền gốc là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) để nhận lại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 50, tờ bản đồ số 72, diện tích 283,8m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 02/7/2018.

Xét về hợp đồng tín dụng ngày 19/4/2019 giữa **Ngân hàng** với bà Phạm Thị Trúc P là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa **Ngân hàng thương mại cổ phần C** - Chi nhánh S (Phòng giao dịch T) với bà P là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thị Trúc P đã không thực hiện đúng như hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ trực tiếp đến gia đình để đôn đốc việc thực hiện hợp đồng nhưng đến nay số nợ đã quá hạn mà vẫn chưa thanh toán. Việc bà Phạm Thị Trúc P không trả nợ gốc và lãi đúng hạn, không những vi phạm các điều khoản cam kết về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà còn vi phạm các quy định tại Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó **Ngân hàng TMCP C** ủy quyền cho Giám đốc chi nhánh tại S khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Trúc P thanh toán toàn bộ số dư nợ tạm tính đến ngày 29/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 76.672.141đ (Bảy mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi một đồng). Trong đó nợ gốc 54.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 20.767.049 đồng và nợ lãi quá hạn: 1.405.092 đồng là có căn cứ.

Về xử lý tài sản thế chấp:

- Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 46, diện tích 105,4m², tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Thửa đất có vị trí tứ cận như sau:

- + Hướng Đông đường đi chung;
- + Hướng Tây giáp thửa 120;
- + Hướng Nam giáp thửa 120;
- + Hướng Bắc giáp thửa 118, 123;

Trên thửa đất có căn nhà của ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị Trúc P. Loại nhà cấp 1. Kết cấu xây dựng: Khung cột bê tông – cốt thép, đòn tay gỗ, mái tol thiếc, nền lát gạch men, vách xây tường 10cm, bên trong căn nhà có gác lửng bằng gỗ. Căn nhà sau nối liền với nhà chính có kết cấu đòn tay, gỗ tạp, vách tol, mái lá, nền tráng xi măng.

Trong trường hợp bà Phạm Thị Trúc P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

[3] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Phạm Thị Trúc P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền vốn và lãi là: 76.672.141đ (Bảy mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi một đồng). Trong đó nợ gốc 54.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 20.767.049 đồng và nợ lãi quá hạn: 1.405.092 đồng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2022) bà Phạm Thị Trúc P còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vì vậy lãi suất mà bà Phạm Thị Trúc P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp theo từng thời điểm thanh toán.

2/ Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Phạm Thị Trúc P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S xử lý tài sản thế chấp: Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 46, diện tích 105,4m², tọa lạc tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Thửa đất có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông đường đi chung;
- Hướng Tây giáp thửa 120;
- Hướng Nam giáp thửa 120;
- Hướng Bắc giáp thửa 118, 123;

Trên thửa đất có căn nhà của ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị Trúc P. Loại nhà cấp 1. Kết cấu xây dựng: Khung cột bê tông – cốt thép, đòn tay gỗ, mái tol thiếc, nền lát gạch men, vách xây tường 10cm, bên trong căn nhà có gác lửng bằng gỗ. Căn nhà sau nối liền với nhà chính có kết cấu đòn tay, gỗ tạp, vách tol, mái lá, nền tráng xi măng.

3/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần C không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

- Bà Phạm Thị Trúc P phải chịu 1.400.000đ (Một triệu, bốn trăm nghìn đồng). Số tiền này bà P có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng.

4/ Về án phí:

- Bà Phạm Thị Trúc P phải nộp 3.833.607đ (Ba triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm lẻ bảy đồng) tiền án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần C không phải nộp án phí sơ thẩm. Ngân hàng được nhận lại 2.887.513đ (Hai triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm mười ba đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0005805 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng